

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Hồng Minh

2. Ông Triệu Kiên Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:** Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc L, sinh năm 2000

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh V, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Tuấn, sinh năm 1997

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/10/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Ngọc L trình bày: chị và anh Vũ Văn T kết hôn vào ngày 09/03/2018, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L. Kết hôn xong, chị về

sống chung cùng anh T ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, một mình chị phải lo kinh tế, chăm sóc con cái. Đến tháng 12/2019, anh T phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 16/12/2021 thì trở về địa phương. Kể từ thời điểm anh T đi cai nghiện, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 24/8/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 20/12/2021, anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị L trình bày là đúng. Nay, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị L xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn chị L về đoàn tụ nuôi con chung cùng anh.

Con chung: Anh T xác nhận như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.500.000đ/tháng (do hiện nay anh chưa có việc làm, chưa có thu nhập vì anh vừa đi cai nghiện bắt buộc về).

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do, không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, giải quyết cho chị L được ly hôn anh T; con chung: giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét; án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Phạm Ngọc L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn T có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là Vũ Văn T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc L và anh Vũ Văn T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn dẫn đến mối quan hệ của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, xin được ly hôn anh T; anh T xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, xin được đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh T thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã có thời gian ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin đoàn tụ chỉ nhằm kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy, việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con chung của các bên thấy rằng: Quyền lợi, nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, cháu Vũ Phương T, sinh ngày 24/8/2021 (dưới 36 tháng tuổi) và theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện ... hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Hơn nữa, bản thân anh T là người vừa đi cai nghiện bắt buộc về và chưa có việc làm, thu nhập ổn định, chưa đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung. Chị L không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Phạm Ngọc L được ly hôn anh Vũ Văn T.

[2] Xử về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Vũ Phương T, sinh ngày 24/8/2019. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[2] Án phí: Chị Phạm Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0006043 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Thị Nga**